

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 14/10/2019
V/v Ly hôn, nuôi con chung giữa
Chị N và anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Hồng Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thanh T;

2. Bà Lý Thị D;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Dịu - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn xét xử công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Thị N**, sinh năm 1994; (có mặt);

2. Bị đơn: Anh **Dương Văn H**, sinh năm 1994; (vắng mặt);

Cùng trú tại: Thôn ĐV, xã QC, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, các tài liệu trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị (Dương Thị N) trình bày:

Về hôn nhân và tình trạng hôn nhân: Chị Dương Thị N và anh Dương Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã QC, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bố mẹ đẻ anh H tại thôn ĐV, xã QC, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Từ tháng 7 năm 2017, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, cuộc sống không hòa hợp, gia đình không có tiếng nói chung, mâu thuẫn diễn ra trong một

thời gian dài, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chửi nhau. Từ khi vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn anh H đã bỏ nhà đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà, dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, hai bên không còn quan tâm đến nhau, không điện thoại thư từ gì, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh H được nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Dương Thị Cẩm T, sinh ngày 08/10/2014 và Dương Thị Cẩm D, sinh ngày 06/9/2016. Hiện tại hai con chung đang sống với ông bà nội, chị N hàng ngày đi làm đến cuối ngày hoặc cuối tuần về nhà chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Vì vậy, sau khi ly hôn chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung cho đến năm các con đủ 18 tuổi .

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 8 năm 2019, bị đơn anh (Dương Văn H) trình bày:

Về cơ bản anh H nhất trí với nội dung trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Chu, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống chung với bố mẹ đẻ tại thôn ĐV 2, xã QC, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, mâu thuẫn vợ chồng diễn ra trầm trọng, dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, không ăn chung, không sinh hoạt chung. Từ tháng 7 năm 2017, anh H đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Hiện tại hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, nhưng anh H mong muốn tình cảm vợ chồng được hàn gắn để nuôi dạy các con. Nay chị N xin ly hôn anh H không nhất trí.

Về con chung: Anh H nhất trí với lời khai của chị N, nếu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị N, nguyện vọng của anh được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn mặc dù đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án, đây là quan hệ tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm xét xử lần hai, bị đơn (Dương Văn H) vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình xem xét quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị N. Chị N được ly hôn anh Dương Văn H.

- Về con chung: Giao con chung Dương Thị Cẩm T, sinh ngày 08/10/2014 và Dương Thị Cẩm D, sinh ngày 06/9/2016 cho chị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con chung cho đến năm đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn anh H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở, khi nào anh H có yêu cầu thay đổi người nuôi con chung sau khi ly hôn, có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị N pH chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ đến bị đơn, đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần để các đương sự quay trở lại đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, cả hai phiên hòa giải anh H đều vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2019 đối với anh Dương Văn H xác định: Anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh không đến Tòa, nếu Tòa án có triệu tập đến giải quyết, xét xử vụ án thì anh H sẽ tiếp tục vắng mặt và đề nghị Tòa án

giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngày 05/9/2019, Tòa án đã mở phiên tòa để xét xử vụ án, nhưng anh H vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa, việc mở lại phiên tòa để xét xử vụ án theo yêu cầu của chị N là cần thiết và để đảm bảo quyền lợi của đương sự. Tại phiên tòa xét xử lần hai anh H tiếp tục vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

- *Về quan hệ hôn nhân và tình trạng hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày, mâu thuẫn diễn ra trong một thời gian dài, khiến hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chửi nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Từ tháng 7 năm 2017, anh H đã đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về nhà, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không liên lạc gì với nhau qua điện thoại, thư từ.

Kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân tại chính quyền địa phương nơi anh H và chị N chung sống và những người thân của anh H và chị N là ông (Dương Văn Bắc, bà Lương Thị Hậu) bố, mẹ đẻ của anh H, bà (Phạm Thị Hồng) mẹ đẻ chị N đã cho biết như sau: Tình trạng mâu thuẫn giữa anh H và chị N là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc trong một thời gian dài, dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay, mặc dù trong thời gian sống ly thân, chị N và hai con vẫn sống chung với bố, mẹ đẻ anh H, nhưng anh H và chị N không một lần gặp mặt để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N xác định cuộc sống hôn nhân đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung với anh H. Yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, cần được chấp nhận.

- *Về con chung*: Anh H và chị N có 02 con chung là cháu Dương Thị Cẩm T, sinh ngày 08/10/2014 và Dương Thị Cẩm D, sinh ngày 06/9/2016. Quá trình giải quyết vụ án xác định hai con chung của anh H và chị N, hiện tại các cháu đang sống chung với ông bà nội, chị N đi làm công nhân đến cuối ngày hoặc cuối tuần vẫn về nhà bố mẹ đẻ anh H để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Tòa án đã triệu tập anh H nhiều lần, nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ, hiện tại anh H không có mặt tại địa phương, anh H đi đâu và làm gì chính bố mẹ đẻ cũng không biết, anh H thỉnh thoảng mới về nhà, hiện chị N đang làm Công nhân tại Công ty Sam Sung Thái Nguyên có mức lương thu nhập ổn định. Vì vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị N cung cấp, thì việc giao con cho chị N được quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con chung cho đến năm đủ 18 tuổi, xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng đảm bảo quyền lợi về

mọi mặt cho các con. Sau khi ly hôn khi nào anh H có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác về yêu cầu thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn. Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị N và anh H đều xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Dương Thị N. Chị Dương Thị N được ly hôn anh Dương Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Dương Thị Cẩm T, sinh ngày 08/10/2014 và Dương Thị Cẩm D, sinh ngày 06/9/2016 cho chị Dương Thị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con cho đến năm đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn anh Dương Văn H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do chị N đã nộp theo biên lai số 07813 ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

“Trưởng hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn (Đương Thị N) có mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn (Đương Văn H) vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã Quảng Chu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vương Hồng Giang

